

Bản án số: 40/2023/DSST

Ngày: 09/03/2023.

V/v: Chia thừa kế
và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đông A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị An.

Ông Nguyễn Đức Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông A, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 05 năm 2022 về việc *Chia thừa kế và chia tài sản chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Duy Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 108, Tổ 22, thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Bình A, xã Trung G, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim D: Bà Chu Thị Kim C, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn Bãi G, xã Đồng H, huyện Yên T, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1947 (Mẹ ông Q).

3.2. Ông Lê Duy D1, sinh năm 1970 (Anh trai ông Q).

3.3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (Vợ ông D1).

3.4. Anh Lê Duy P, sinh năm 2002 (Con ông D1, bà L).

3.5. Cháu Lê Duy Minh Đ, sinh năm 2011 (Con ông D1, bà L).

3.6. Ông Lê Duy Q1, sinh năm 1973 (Anh trai ông Q).

3.7. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1983 (Vợ ông Q1).

3.8. Cháu Lê Khánh Q2, sinh năm 2016 (Con ông Q1, bà T1).

3.9. Bà Nguyễn Thùy D2, sinh năm 1983 (Vợ ông Q).

3.10. Cháu Lê Duy Minh T2, sinh năm 2009 (Con ông Q, bà D2).

3.11. Cháu Lê Duy Việt A, sinh năm 2014 (Con ông Q, bà D2).

Cùng có địa chỉ: Số nhà 108, tổ 22, thị trấn Đông A, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Duy Minh Đ là ông Lê Duy D1 và bà Nguyễn Thị L.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Khánh Q2 là ông Lê Duy Q1 và bà Nguyễn Thị Thanh T1.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Duy Minh T2 và cháu Lê Duy Việt A là ông Lê Duy Q và bà Nguyễn Thùy D2.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thùy D2, ông Lê Duy Q1 là ông Lê Duy Q.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Duy P là ông Lê Duy D1.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:* Luật sư Hoàng Mậu T3 và luật sư Đỗ Thị L1 – Văn phòng luật sư Phú Thành - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đào Trung K – Công ty Luật TNHH Đại L – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt: ông Q, bà Chi, Thị cụ T, ông D1, bà L, ông Q1, bà T1, luật sư T3, luật sư L1, luật sư K.

Vắng mặt: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn, ông Lê Duy Q trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Bố ông là Lê Duy Q3 (Sinh năm 1943, chết ngày 10/01/2022), mẹ ông là Nguyễn Thị T, sinh năm 1947, hiện còn sống. Bố mẹ ông sinh được 4 người con gồm: Lê Duy D1, Lê Duy Q1, Lê Thị Kim D, Lê Duy Q. Bố đẻ của cụ Lê Duy Q3 chết năm 1973. Mẹ đẻ của cụ Lê Duy Q3 chết năm 1974.

- Về di sản thừa kế: Khi còn sống bố ông tạo lập được khối tài sản là một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, diện tích cả thửa là 200 m² địa chỉ tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 542081 do Ủy ban nhân dân huyện Đông A cấp ngày 04/6/2007. Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bố mẹ ông. Bố mẹ ông đã ly hôn ngày 13/10/2000. Khi ly hôn tài sản này bố mẹ ông không chia mà vẫn sử dụng chung. Bố ông chết ngày 10/01/2022, không để lại di chúc. Hiện nay nhà đất này đang do mẹ ông và ba anh em trai ông cùng quản lý, sử dụng, ăn ở trên nhà, đất. Do diện tích đất có hạn, mặt tiền nhỏ, có nhiều bất tiện khi ở chung nhiều cặp vợ chồng nên anh em ông muốn bán mảnh đất trên để tạo lập nơi ở mới. Tuy nhiên, chị gái ông là bà Lê Thị Kim D không đồng ý.

Do đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A phân chia di sản thừa kế của bố ông để lại theo quy định của pháp luật là một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, địa chỉ tổ 34 (Nay là tổ 22) thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội, cụ thể là chia 100 m² quyền sử dụng đất, ông và vợ chồng ông D1 yêu cầu được sử dụng chung 100 m² đất này và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Vợ chồng ông và vợ chồng ông D1 có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho bà D2 và vợ chồng ông Q1.

*** Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ huyết thống: Bị đơn đồng ý với ý kiến của Nguyên đơn đã trình bày.

Trước khi chết cụ Lê Duy Q3 và cụ Nguyễn Thị T có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, diện tích 200 m² tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội.

Năm 2000 cụ Q3 và Thị cụ T đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, nhưng chưa thực hiện phân chia tài sản chung của vợ chồng. Năm 2007, cụ Q3 và Thị cụ T đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Năm 2022 cụ Q3 chết không để lại di chúc. bà D2 cùng các đồng thừa kế khác không thỏa thuận được để thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế của cụ Q3. Do đó ông Q đã khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Q3. bà D2 có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Q3 theo pháp luật, bà D2 đề nghị được nhận kỷ phần của mình bằng tiền.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cụ Nguyễn Thị T trình bày:* Cụ và cụ Lê Duy Q3 sinh được 4 người con là: Lê Duy D1, Lê Duy Q1, Lê Thị Kim D và Lê Duy Q. Trong thời kỳ hôn nhân cụ và cụ Q3 có tạo lập được khối tài sản chung là: Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, diện tích 200 m² có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội cùng toàn bộ tài sản gắn liền đất. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH 542081 ngày 04/6/2007 mang tên Nguyễn Thị T và Lê Duy Q3. Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ và cụ Q3. Khi ly hôn năm 2000 tại Tòa án nhân dân huyện Đông A cụ và cụ Q3 chưa giải quyết về tài sản chung mà vẫn để sử dụng chung. cụ Q3 chết ngày 10/01/2022 không để lại di chúc. Hiện nay nhà đất này đang do cụ cùng ba con trai đang quản lý, sử dụng, trực tiếp sinh sống ở đó.

Cụ đề nghị Tòa án chia tài sản chung của cụ và cụ Q3 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 69, tờ bản đồ số 44 tại tổ 34 cũ (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội, cụ xin hưởng $\frac{1}{2} = 100 \text{ m}^2$ đất phía Bắc và sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- *Ông Lê Duy D1, ông Lê Duy Q1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:* Điều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Thị cụ T.

**** Tại phiên hòa giải ngày 13/02/2023, tất cả các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành, cụ thể như sau:***

- Về quan hệ huyết thống: Cụ Lê Duy Q3, sinh năm 1943, chết ngày 10/01/2022. cụ Q3 trước đây có vợ là cụ Nguyễn Thị T. cụ Q3 và Thị cụ T sinh được 04 người con gồm: Lê Duy D1, sinh năm 1970; Lê Duy Q1, sinh năm 1973; Lê Thị Kim D, sinh năm 1975; Lê Duy Q, sinh năm 1982. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Lê Duy Q3 và cụ Nguyễn Thị T đã ly hôn ngày 13/10/2000.

Cụ Lê Duy Q3 chết ngày 10/01/2022, không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Duy Q3 gồm: Ông Lê Duy D1, ông Lê Duy Q1, bà Lê Thị Kim D, ông Lê Duy Q.

- Về tài sản chung của cụ Lê Duy Q3 và cụ Nguyễn Thị T là: Quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, diện tích 200 m² có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội cùng toàn bộ tài sản gắn liền đất. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 542081 ngày 04/6/2007 mang tên Nguyễn Thị T và Lê Duy Q3. Mục đích sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở đô thị. Năm 2000 khi ly hôn hai cụ chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng, Thị cụ T và cụ Q3 mỗi người có quyền sử dụng ½ thửa đất.

Chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị T và cụ Lê Duy Q3 như sau:

- Cụ Nguyễn Thị T có quyền sử dụng 100 m² đất phía Bắc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

- Cụ Lê Duy Q3 có quyền sử dụng 100 m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

- Phần đất lưu không phía Tây và đất thừa phía Đông của thửa đất thì bằng phần đất của ai người đó tiếp tục tạm sử dụng, sau này thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

- Về di sản thừa kế của cụ Lê Duy Q3 là: quyền sử dụng 100 m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội. Trị giá 100 m² đất = 4.500.000.000 đồng.

Thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Duy Q3 là ngày 10/01/2022.

Cụ Lê Duy Q3 chết không để lại di chúc.

Di sản của cụ Lê Duy Q3 trị giá 4.500.000.000 đồng được chia theo pháp luật, mỗi kỹ phần được hưởng là 1.125.000.000 đồng.

Các bên đương sự thỏa thuận như sau:

- Vợ chồng ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L và vợ chồng ông Lê Duy Q, bà Nguyễn Thùy D2 có quyền sử dụng chung 100 m² đất phía Nam tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội.

- Vợ chồng ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Lê Duy Q1 bằng tiền là 1.125.000.000 đồng.

- Vợ chồng ông Lê Duy Q , bà Nguyễn Thùy D2 có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị Kim D bằng tiền là 1.125.000.000 đồng.

Tài sản trên phần đất của ai người đó có quyền sở hữu.

- Phần đất lưu không phía Tây và đất thừa phía Đông của thửa đất thì thắng phần của ai người đó tiếp tục tạm sử dụng, sau này thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

- Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án và theo quy định của pháp luật.

Về vị trí, kích thước, ranh giới thửa đất có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo.

Về án phí: Cụ Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Duy D1, ông Lê Duy Q1, ông Lê Duy Q, bà Lê Thị Kim D, mỗi người phải chịu 22.875.000 đồng.

Ngày 20/02/2023, bị đơn là bà Lê Thị Kim D có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử, với lý do, trong thời hạn chờ ra Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự, ông Q, bà D2 không thanh toán số tiền như đã thỏa thuận cho bà.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A giải quyết theo hướng: Giữ nguyên quan điểm như nội dung hòa giải thành ngày 13/02/2023. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu gì về tài sản trên đất, sau này thuộc phần đất của ai được giao thì người đó có quyền sở hữu.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A giải quyết chia thừa kế di sản của cụ Lê Duy Q3 theo pháp luật, bị đơn xin hưởng bằng tiền và đề nghị ông Q thanh toán một lần đủ số tiền theo kỷ phần được hưởng.

- Cụ Nguyễn Thị T đề nghị giữ nguyên quan điểm như nội dung hòa giải thành ngày 13/02/2023. Cụ tự nguyện không yêu cầu gì về tài sản trên đất, sau này thuộc phần đất của ai được giao thì người đó có quyền sở hữu.

- Ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L: Giữ nguyên quan điểm như nội dung hòa giải thành ngày 13/02/2023. ông D1 và bà L đề nghị phần ông D1 được hưởng thừa kế của cụ Q3 thì để hai vợ chồng ông, bà cùng chung quyền sử dụng, vợ chồng ông, bà cùng có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho vợ chồng ông Lê Duy Q1.

- Ông Lê Duy Q1, bà Nguyễn Thị Thanh T1: Giữ nguyên quan điểm như nội dung hòa giải thành ngày 13/02/2023. ông Q1 và bà T1 đề nghị phần ông Q1 được hưởng thừa kế của cụ Q3 thì để hai vợ chồng ông, bà cùng chung quyền sở hữu bằng tiền.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo hướng giữ nguyên quan điểm như nội dung hòa giải thành ngày 13/02/2023.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Chia di sản thừa kế của cụ Q3 theo pháp luật, bà D2 đề nghị được nhận kỷ phần của mình bằng tiền, đề nghị ông Q thanh toán một lần đủ số tiền theo kỷ phần được hưởng.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy Q về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lê Duy Q3.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung của Thị cụ T với cụ Q3.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Thị cụ T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Các đương sự khác phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về quan hệ pháp luật là: Chia thừa kế và chia tài sản chung.

{2} Về nội dung:

{2.1} Về quan hệ chia tài sản chung:

Căn cứ vào các tài liệu địa chính và sự thống nhất của các đương sự thì đủ cơ sở khẳng định, tài sản chung của cụ Lê Duy Q3 và cụ Nguyễn Thị T là: Quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, diện tích 200 m² có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội cùng toàn bộ tài sản gắn liền đất. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH 542081 ngày 04/6/2007 mang tên cụ Nguyễn Thị T và cụ Lê Duy Q3. Mục đích sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở đô thị.

Về diện tích thửa đất: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án do Công ty chuyên môn đo thì hiện trạng thửa đất có diện tích là 277,6 m².

Kết quả lồng ghép bản đồ phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với hiện trạng đang sử dụng thì thửa đất thừa về phía Tây giáp đường nhựa và phía Đông giáp đất tập thể. Đối với phần diện tích thừa 77,6 m² thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Như vậy, Tòa án giải quyết diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận là 200 m². Đối với phần đất không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thì thẳng phần đất của ai được giao thì người đó được giao tạm sử dụng, sau này thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

Năm 2000 khi ly hôn tại Tòa án Thị cụ T và cụ Q3 chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng, Thị cụ T và cụ Q3 mỗi người có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất. Yêu cầu chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Thơi có căn cứ nên được chấp nhận.

Chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị T và cụ Lê Duy Q3 cụ thể như sau:

- Cụ Nguyễn Thị T có quyền sử dụng 100 m² đất phía Bắc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

- Cụ Lê Duy Q3 có quyền sử dụng 100 m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

{2.2} Về quan hệ chia thừa kế:

- ***Về di sản thừa kế của cụ Lê Duy Q3 là:*** 100 m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất. Trị giá 100 m² đất = 4.500.000.000 đồng.

- Cụ Lê Duy Q3 chết ngày 10/01/2022.

- Thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Duy Q3 là ngày 10/01/2022.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Duy Q3 gồm: Ông Lê Duy D1, sinh năm 1970; ông Lê Duy Q1, sinh năm 1973; bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1975; ông Lê Duy Q, sinh năm 1982.

- Cụ Lê Duy Q3 chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Lê Duy Q3 trị giá 4.500.000.000 đồng được chia theo pháp luật làm 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 1.125.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các đương sự không yêu cầu gì về tài sản trên đất, tài sản thuộc phần đất của ai người đó có quyền sở hữu.

Do hiện trạng thửa đất bề mặt đường chỉ có 7,4 m, không đủ điều kiện tách thành nhiều thửa nên giao cụ thể như sau:

- Giao cho cụ Nguyễn Thị T có quyền sử dụng 100 m² đất phía Bắc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

- Giao cho vợ chồng ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L và vợ chồng ông Lê Quy Quyết, bà Nguyễn Thùy D2 có quyền sử dụng chung 100m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

- Vợ chồng ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho vợ chồng ông Lê Duy Q1 bằng tiền là 1.125.000.000 đồng.

- Vợ chồng ông Lê Duy Q, bà Nguyễn Thùy D2 có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị Kim D bằng tiền là 1.125.000.000 đồng.

- Phần đất lưu không phía Tây và đất thừa phía Đông của thửa đất thì thẳng phần của ai người đó được giao tiếp tục tạm sử dụng, sau này thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

Về vị trí, kích thước, ranh giới thửa đất: Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo bản án.

{3} Về án phí:

- Cụ Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

- Ông Lê Duy D1, ông Lê Duy Q1, ông Lê Duy Q, bà Lê Thị Kim D, mỗi người phải chịu 45.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

{4} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều: 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;
- Điều 100 Luật đất đai;
- Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 26; điểm e khoản 1 Điều 217 ; Điều 243, 245 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy Q về việc chia thừa kế di sản của cụ Lê Duy Q3 đối với bà Lê Thị Kim D.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài chung của Thị cụ T và cụ Lê Duy Q3.

3. Xác định tài sản chung của cụ Lê Duy Q3 và cụ Nguyễn Thị T là: Quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44, diện tích 200 m² có địa chỉ tổ 34 (Nay là tổ 22) thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội cùng toàn bộ tài sản gắn liền đất. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH 542081 ngày 04/6/2007 mang tên Nguyễn Thị T và Lê Duy Q3. Mục đích sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở đô thị.

4. Chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị T và cụ Lê Duy Q3 như sau: -
Cụ Nguyễn Thị T có quyền sử dụng 100 m² đất phía Bắc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

- Cụ Lê Duy Q3 có quyền sử dụng 100 m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

5. Về chia thừa kế di sản của cụ Lê Duy Q3:

- Cụ Lê Duy Q3 chết ngày 10/01/2022.

- Thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Duy Q3 là ngày 10/01/2022.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Duy Q3 gồm: Ông Lê Duy D1, sinh năm 1970; ông Lê Duy Q1, sinh năm 1973; bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1975; ông Lê Duy Q, sinh năm 1982.

- Cụ Lê Duy Q3 chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Lê Duy Q3 trị giá 4.500.000.000 đồng được chia theo pháp luật làm 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 1.125.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các đương sự không yêu cầu gì về tài sản trên đất, tài sản thuộc phần đất của ai người đó có quyền sở hữu.

6. Giao cụ thể bằng hiện vật như sau:

6.1. Giao cho cụ Nguyễn Thị T có quyền sử dụng 100 m² đất phía Bắc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

6.2. Giao cho vợ chồng ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L và vợ chồng ông Lê Duy Q, bà Nguyễn Thùy D2 có quyền sử dụng chung 100m² đất phía Nam thửa đất số 69, tờ bản đồ số 44 có địa chỉ tại tổ 34 (Nay là tổ 22), thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà Nội và có quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền đất.

7. Phần đất lưu không phía Tây và đất thừa phía Đông của thửa đất thì bằng phẳng của ai người đó được giao tiếp tục tạm sử dụng, sau này thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

8. Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

9. Về vị trí, kích thước, ranh giới thửa đất: Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo bản án.

10. Vợ chồng ông Lê Duy D1, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho vợ chồng ông Lê Duy Q1 bằng tiền là 1.125.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

11. Vợ chồng ông Lê Duy Q, bà Nguyễn Thùy D2 có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị Kim D bằng tiền là 1.125.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

- Ông Lê Duy D1, ông Lê Duy Q1, ông Lê Duy Q, bà Lê Thị Kim D, mỗi người phải chịu 45.750.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Lê Duy Q đã nộp 8.250.000 đồng (Tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0046487 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A, nay được trừ số tiền này. Ông Lê Duy Q còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

13. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

14. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

15. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông A.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Đông A.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Vân